

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày 31-3-2021
V/v tranh chấp “Về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/ TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Văn G, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lâm Q, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Võ Văn D, sinh năm: 1971. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

2. Anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1973. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

3. Chị Võ Thị H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

4. Chị Võ Thị H, sinh năm: 1980. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

5. Chị Võ Thị Ngọc A, sinh năm: 1985. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

6. Anh Võ Văn R, sinh năm: 1984. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

7. Chị Trần Thị T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Võ Văn G và bà Trần Thị H chung sống với nhau có 08 người con gồm Võ Thị L, Võ Văn D, Võ Văn Đ, Võ Thị H, Võ Thị H, Võ Thị Ngọc A, Võ Văn R, Võ Văn T. Anh T đã chết vào năm 2010, không có vợ con. Ngoài ra bà H không có con riêng và cũng không có con nuôi. Tài sản của ông G và bà H gồm có diện tích đất 474m² thửa số 47, tờ bản đồ số 28 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên ngày 27-6-2008 cùng với nhà có trên đất và diện tích đất 6.810m², thửa số 3676, 3678, 3680, tờ bản đồ số 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G đứng tên ngày 28-5-1998 cùng với cây trái có trên đất. Ông G và bà H không còn tài sản nào khác. Đất tọa lạc ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bà H chết ngày 22-02-2019 không để lại di chúc; cha bà H là Trần Văn X chết năm 1972; mẹ bà H là Đặng Thị X chết năm 2015.

Theo đơn khởi kiện thì ông G yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 474m² thửa số 47, tờ bản đồ số 28 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên ngày 27-6-2008 và diện tích đất 6.810m², thửa số 3676, 3678, 3680, tờ bản đồ số 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G đứng tên ngày 28-5-1998 cùng với các tài sản có trên đất.

Nay ông G xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 39.3m² thửa số 47, tờ bản đồ số 28 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên ngày 27-6-2008 và diện tích đất 6.810m², thửa số 3676, 3678, 3680, tờ bản đồ số 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G đứng tên ngày 28-5-1998.

Ông G chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế là 434.7m² thửa số 47, tờ bản đồ số 28 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên ngày 27-6-2008 cùng với nhà có trên đất. Nguyên vọng của ông G yêu cầu được chia hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý theo yêu cầu của ông G, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu giữ lại nhà đất để làm nhà thờ (bút lục 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40). Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận bà H chết không để lại di chúc, bà H không có con riêng và cũng không có con nuôi; Tại phiên tòa anh

D và chị L đồng ý nhận kỷ phần của mình nếu được chia và đồng ý giao cho anh R được quyền sở hữu. Còn lại chị H, chị A, chị H và anh R yêu cầu được hưởng kỷ phần của mình nếu được chia.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông G đối với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp thể hiện: Phần đất tranh chấp có diện tích $434,7m^2$ (trong đó diện tích quy hoạch lộ giới $263m^2$, diện tích còn lại $171,7m^2$) thửa số 47, tờ bản đồ số 28 loại đất ONT $400m^2$, CLN $39,5m^2$ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM150568 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 27-6-2008 cho ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Đất có giá trị là 3.460.000.000 đồng.

Tài sản có trên đất có giá trị là 41.560.500 đồng gồm các hạn mục như sau:

Nhà chính có kết cấu cửa sắt kính nền gạch tàu mái ngói xưa, tường gạch, kiểu nhà chữ đinh xưa, xây dựng năm 1997, diện tích xây dựng $98,4m^2$, nhà hết niên hạn sử dụng;

Mái hiên trước nhà chính có kết cấu cột bê tông kèo gỗ mái thiếc nền gạch, xây dựng năm 2018 có diện tích $41,82m^2$, giá 8.364.000 đồng;

Nhà bán tạp hóa có kết cấu nền xi măng, mái tole cửa sắt kéo xây dựng năm 2005, có diện tích $32,725m^2$, tỷ lệ còn lại 18%, giá 20.734.000 đồng;

Mái hiên trước quán có diện tích $24,64m^2$, giá 2.464.000 đồng;

Nhà tắm có diện tích $6,637m^2$ kết cấu nền gạch men cửa nhôm kính xây gạch tô, mái tole, xây dựng năm 2010 hết niên hạn sử dụng;

01 chân bồn nước xây gạch tô xây dựng năm 2010, không còn giá trị;

Nhà bếp có kết cấu nền gạch tàu, tường xây gạch không tô, mái tole, kèo cây, xây dựng năm 2005 có diện tích $18,4m^2$, giá 1.840.000 đồng;

Mái che nhà sau có kết cấu nền xi măng mái tole, kèo cây xây dựng năm 2005 có diện tích $29,97m^2$ và $23,4m^2$ không còn giá trị;

Hàng rào mặt trước có kết cấu xây chân gạch tô, trụ xi măng lồng lưới B40 dài 17,3m giá 5.622.500 đồng;

Hàng rào không xây chân móng có chiều dài 25,36m có giá là 2.536.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là 3.501.560.000 đồng.

[2] Ông G và bà H chung sống có 08 người con gồm Võ Thị L, Võ Văn D, Võ Văn Đ, Võ Thị H, Võ Thị H, Võ Thị Ngọc A, Võ Văn R, Võ Văn T. Anh T đã chết vào năm 2010, không có vợ con. Bà H không có con riêng và không có con nuôi.

Bà H vợ ông G chết ngày 22-02-2019 không để lại di chúc; cha bà H là Trần Văn X chết năm 1972; mẹ bà H là Đặng Thị X chết năm 2015.

Nguồn gốc diện tích đất ông G yêu cầu chia thừa kế qua đo đạc thực tế là 434.7m² thửa số 47, tờ bản đồ số 28 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên ngày 27-6-2008, hiện ông G đang quản lý sử dụng.

Do bà H chết không để lại di chúc nên ông G yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Diện tích đất ông G yêu cầu chia thừa kế 434.7m² là tài sản chung của ông G và bà H nên trong diện tích đất này ông G đã có ½ diện tích đất là 217.35m² tương ứng số tiền 1.730.000.000 đồng, còn lại 217.35m² là của bà H được chia 08 đồng thừa kế theo pháp luật, cụ thể chia cho 07 người con và ông G mỗi người một phần bằng nhau với diện tích là 27,169m² tương ứng số tiền 216.250.000 đồng; tài sản gắn liền trên đất có giá trị là 41.560.500 đồng thì ông G có quyền sở hữu ½ số tiền 41.560.500 đồng là 20.780.000 đồng, còn lại 20.780.000 đồng là của bà H được chia đều cho 08 đồng thừa kế mỗi người hưởng số tiền 2.597.000 đồng.

Căn cứ vào Quyết định số 28 ngày 27-7-2020 của UBND tỉnh Tây Ninh thì phần diện tích đất 217.35m² chia cho 08 đồng thừa kế mỗi người được hưởng 27,169m² không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng cá nhân được chia, nên giao cho ông G được quyền sử dụng diện tích đất 434.7m² ông G có nghĩa vụ thanh toán giá trị lại cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ.

Vậy ông G có nghĩa vụ thanh toán cho chị L, anh D, anh Đ, chị H, chị H, chị A, anh R mỗi người số tiền 218.847.000 đồng. Do anh D và chị L đồng ý giao phần tài sản của anh chị được hưởng cho anh R nên anh R được hưởng cả phần của anh với phần của chị L và anh D với số tiền là 656.541.000 đồng. Do đó ông G có nghĩa vụ thanh toán cho anh R số tiền 656.541.000 đồng, mà không thanh toán cho chị L và anh D.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông G được miễn tiền tạm ứng án phí. Anh Đ, chị H, chị H, chị A mỗi người chịu án phí 10.942.000 đồng, anh R phải chịu 30.262.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ, chị H, chị H, chị A và anh R mỗi người phải chịu 680.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả lại cho ông G. Anh D và chị L không chịu tiền án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông G đối với chị L.

Ông Võ Văn G được quyền sử dụng diện tích đất 434.7m² (trong đó diện tích quy hoạch lộ giới 263m², diện tích còn lại 171,7m²) thửa số 47, tờ bản đồ số 28 loại đất ONT 400m², CLN 39,5m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM150568 do UBND huyện Gò Dầu cấp ngày 27-6-2008 cho ông Võ Văn G và bà Trần Thị H đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 46 dài 18,80m; Tây giáp đường 782 dài 17,30m; Nam giáp thửa 45 dài 0, 15m + 14,70m + 8,20m; Bắc giáp đường đất dài 25,36m.

Ông Võ Văn G được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm:

Nhà chính có diện tích xây dựng 98,4m² kết cấu cửa sắt kính nền gạch tàu mái ngói xưa, tường gạch, kiểu nhà chữ đình xưa;

Mái hiên trước nhà chính có diện tích 41,82m² kết cấu cột bê tông kèo gỗ mái thiếc nền gạch;

Nhà bán tạp hóa có diện tích 32,725m² kết cấu nền xi măng, mái tole cửa sắt kéo;

Mái hiên trước quán có diện tích 24,64m²;

Nhà tắm có diện tích 6,637m² kết cấu nền gạch men cửa nhôm kính xây gạch tô, mái tole;

01 chân bồn nước xây gạch tô;

Nhà bếp có diện tích 18,4m² kết cấu nền gạch tàu, tường xây gạch không tô, mái tole, kèo cây;

Mái che nhà sau có diện tích 29,97m² và 23,4m² kết cấu nền xi măng mái tole, kèo cây;

Hàng rào mặt trước có kết cấu xây chân gạch tô, trụ xi măng lao lưới B40 dài 17,3m;

Hàng rào không xây chân móng có chiều dài 25,36m.

Ông Võ Văn G có nghĩa vụ thanh toán cho anh Võ Văn Đ, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H, chị Võ Thị Ngọc A, mỗi người số tiền 218.847.000 đồng, anh Võ Văn R số tiền 656.541.000 đồng.

Kể từ ngày anh Đ, chị H, chị H, chị A, anh R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông G không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông G còn phải trả cho anh Đ, chị H, chị H, chị A, anh R số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn G được miễn tiền án phí. Anh Võ Văn Đ, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H, chị Võ Thị Ngọc A mỗi người phải chịu 10.942.000 đồng, anh Võ Văn R phải chịu 30.262.000 đồng. Anh Võ Văn D và chị Võ Thị L không chịu tiền án phí.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Võ Văn Đ, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H, chị Võ Thị Ngọc A và anh Võ Văn R mỗi người phải chịu 680.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để trả lại cho ông Võ Văn G. Anh Võ Văn D và chị Võ Thị L không chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương

sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài